

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2022/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số nội dung chi và mức chi hỗ trợ thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025;

Xét Tờ trình số 7529/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết quy định một số nội dung chi và mức chi hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này Quy định một số nội dung chi và mức chi hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022 – 2025 trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 3. Quy định một số nội dung chi và mức chi hỗ trợ

1. Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thủy lợi và phòng chống thiên tai tại cấp xã, huyện, đảm bảo bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu

a) Nội dung chi: hỗ trợ chi phí vật liệu, máy thi công và thiết bị để đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

b) Mức hỗ trợ: từ ngân sách trung ương phân bổ là 50% tổng kinh phí thực hiện, 50% còn lại từ các nguồn vốn huy động, đóng góp hợp pháp khác. Mức hỗ trợ tối đa 40 triệu đồng/01ha.

2. Chi tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở

a) Nội dung chi: hỗ trợ mua sắm mới thiết bị đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin, viễn thông cho một đài truyền thanh cấp xã (mua sắm mỗi ấp 01 cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông).

Mức hỗ trợ: từ ngân sách trung ương phân bổ là 50%; ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 40%; ngân sách cấp huyện hỗ trợ 10% tổng kinh phí thực hiện; tối đa 30 triệu đồng/01 cụm loa. Ưu tiên bố trí theo Kế hoạch thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới của địa phương theo từng năm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Nội dung chi: hỗ trợ mua sắm, hiện đại hóa các trang thiết bị sản xuất chương trình phát thanh cho một cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện.

Mức hỗ trợ: từ ngân sách trung ương phân bổ là 50%; ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 40%; ngân sách cấp huyện hỗ trợ 10% tổng kinh phí thực hiện. Mức hỗ trợ tối đa 150 triệu đồng/huyện, thành phố.

3. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, ấp, khu phố

a) Nội dung chi: hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, ấp, khu phố (theo quy hoạch chung xã nông thôn mới) thực hiện

theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Áp dụng cho các xã thuộc kế hoạch phân đấu đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu giai đoạn 2022 – 2025.

b) Mức hỗ trợ: từ ngân sách trung ương phân bổ là 50%; ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 30%; ngân sách cấp huyện hỗ trợ 20% tổng kinh phí thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ tối đa 500 ngàn đồng/hộ gia đình; 50 triệu đồng/công trình ấp, khu phố theo mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chi hỗ trợ xây dựng và phát triển các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp

a) Nội dung chi: hỗ trợ điều tra, khảo sát, thu thập dữ liệu sản phẩm; thuê chuyên gia xây dựng đề án, kế hoạch.

Mức hỗ trợ: thực hiện theo Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định nội dung và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

b) Nội dung chi: hỗ trợ chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân tổ chức. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh.

Mức hỗ trợ: từ ngân sách trung ương phân bổ là 50%; ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 40%; ngân sách cấp huyện hỗ trợ 10% tổng kinh phí thực hiện. Mức hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/mô hình, dự án.

c) Nội dung chi: tổ chức đào tạo, tập huấn cho các cá nhân, tổ chức tham gia; chi tổ chức trao đổi, học tập kinh nghiệm tại các địa phương.

Mức hỗ trợ: thực hiện theo Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

5. Chi hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp

a) Nội dung chi: thực hiện theo Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

b) Mức hỗ trợ: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre quy định

chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Riêng hỗ trợ quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ thuộc dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; mức hỗ trợ: từ ngân sách trung ương phân bổ là 50% tổng chi phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt, 50% còn lại từ các nguồn vốn huy động, đóng góp hợp pháp khác; tối đa 100 triệu đồng/dự án, kế hoạch liên kết.

Tổng mức chi hỗ trợ các nội dung quy định tại khoản này cho một dự án/kế hoạch liên kết không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn; không quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư từ nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

6. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại

a) Nội dung chi: hỗ trợ xây dựng và phát triển các dự án cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp và các dự án trung tâm cơ giới hóa vùng, thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

b) Mức hỗ trợ: từ ngân sách trung ương phân bổ là 50% kinh phí thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, 50% còn lại từ các nguồn vốn huy động, đóng góp hợp pháp khác. Mức hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/dự án.

7. Chi phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn; bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn

a) Nội dung chi: hỗ trợ đào tạo nhân lực theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn. Nội dung chi thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

Mức hỗ trợ: từ ngân sách trung ương phân bổ là 50% tổng kinh phí thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; 50% còn lại từ các nguồn vốn huy động, đóng góp hợp pháp khác. Định mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bến Tre, tối đa 300 triệu đồng/dự án.

b) Nội dung chi: hỗ trợ dự án phát triển ngành nghề nông thôn theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP.

Mức hỗ trợ: từ ngân sách trung ương phân bổ là 50% tổng kinh phí thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; 50% còn lại từ các nguồn vốn huy động, đóng góp hợp pháp khác. Định mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bến Tre, tối đa 300 triệu đồng/dự án.

c) Nội dung chi: chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn thực hiện theo Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Mức hỗ trợ: từ ngân sách trung ương phân bổ là 50% tổng kinh phí thực hiện, 50% còn lại từ các nguồn vốn huy động, đóng góp hợp pháp khác. Mức hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/dự án.

8. Chi đẩy mạnh sản xuất chế biến muối theo chuỗi giá trị

a) Nội dung chi: hỗ trợ xây dựng mô hình liên kết sản xuất muối theo chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ; mô hình thí điểm sản xuất muối kết hợp du lịch nông thôn, du lịch nghỉ dưỡng; mô hình áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất muối sạch; mô hình sản xuất muối chứa nhiều khoáng chất, vi chất dinh dưỡng tự nhiên theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Mức hỗ trợ: từ ngân sách trung ương phân bổ là 50%; ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 30%; ngân sách cấp huyện hỗ trợ 20% tổng kinh phí thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/dự án.

b) Nội dung chi: hỗ trợ xây dựng trang thông tin điện tử giới thiệu sản phẩm, bán hàng trực tuyến; thiết kế mẫu mã sản phẩm, bao bì đóng gói; xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý xuất xứ hàng hóa, bảo hộ sở hữu thương hiệu cho sản phẩm muối ở các địa phương.

Mức hỗ trợ: từ ngân sách trung ương phân bổ là 60%; ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 20%; ngân sách cấp huyện hỗ trợ 20% tổng kinh phí thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/dự án.

9. Chi thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới

a) Nội dung chi: hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền. Nội dung chi cụ thể thực hiện theo Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Mức hỗ trợ: từ ngân sách trung ương phân bổ là 60%; ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 20%; ngân sách cấp huyện hỗ trợ 20% tổng kinh phí thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ tối đa 200 triệu đồng/dự án.

b) Nội dung chi: hỗ trợ truyền thông, xúc tiến, quảng bá du lịch nông thôn.

Mức hỗ trợ: từ ngân sách trung ương phân bổ là 60%; ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 20%; ngân sách cấp huyện hỗ trợ 20% tổng kinh phí thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Định mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bến Tre, tối đa 200 triệu đồng/dự án.

c) Nội dung chi: hỗ trợ tập huấn, đào tạo nguồn nhân lực du lịch nông thôn có chất lượng.

Mức hỗ trợ: từ ngân sách trung ương phân bổ là 60%; ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 20%; ngân sách cấp huyện hỗ trợ 20% tổng kinh phí thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Định mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bến Tre; tối đa 200 triệu đồng/dự án.

d) Nội dung chi: hỗ trợ triển khai mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (xây dựng thí điểm một số mô hình phát triển du lịch nông thôn theo các loại hình: du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái, du lịch gắn với bảo tồn thiên nhiên, du lịch làng nghề, du lịch gắn với di tích lịch sử, văn hóa).

Mức hỗ trợ: từ ngân sách trung ương phân bổ là 50%; ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 30%; ngân sách cấp huyện hỗ trợ 20% tổng kinh phí thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ tối đa 500 triệu đồng/mô hình.

10. Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở

a) Nội dung chi: chi mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của địa phương.

Mức hỗ trợ: theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt từ ngân sách cấp tỉnh, mức chi cụ thể như sau:

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện (Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh huyện; Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Truyền thanh và Du lịch huyện): 200 triệu đồng/thiết chế;

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã (Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Học tập cộng đồng): 50 triệu đồng/thiết chế;

- Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp, khu phố: 20 triệu đồng/thiết chế.

b) Nội dung chi: chi hỗ trợ xây dựng tủ sách cho Thư viện cấp huyện; tủ sách cho Trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp xã (Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Học tập cộng đồng).

Mức hỗ trợ: theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt từ ngân sách cấp tỉnh, mức chi cụ thể như sau:

- Thư viện, tủ sách tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện (Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh huyện; Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Truyền thanh và Du lịch huyện): 50 triệu đồng/01 tủ sách;

- Thư viện, tủ sách cấp xã: 20 triệu đồng/01 tủ sách.

c) Nội dung chi: chi hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã, ấp, khu phố và hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã, ấp, khu phố.

Mức hỗ trợ: từ ngân sách cấp tỉnh, mức chi cụ thể như sau:

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã (Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Học tập cộng đồng): 10 triệu đồng/01 năm;

- Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp, khu phố: 05 triệu đồng/01 năm.

11. Chi thực hiện các đề án, kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn huyện; phát triển, nhân rộng các mô hình phân loại chất thải rắn tại nguồn phát sinh

a) Nội dung chi: hỗ trợ thực hiện đề án, kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Mức hỗ trợ: từ ngân sách trung ương phân bổ là 50%; ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 30%; ngân sách cấp huyện hỗ trợ 20% tổng kinh phí thực hiện đề án, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ tối đa 200 triệu đồng/đề án, kế hoạch.

b) Nội dung chi: hỗ trợ phát triển, nhân rộng mô hình phân loại chất thải rắn tại nguồn phát sinh. Quy mô thực hiện mô hình, định mức kinh tế kỹ thuật, nội dung cụ thể của mô hình theo hướng dẫn tại Công văn số 3659/BTNMT-TCMT ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn một số nội dung thành phần Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Mức hỗ trợ: từ ngân sách trung ương phân bổ là 50%; ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 30%; ngân sách cấp huyện hỗ trợ 20% tổng kinh phí thực hiện mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/mô hình.

12. Chi xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường

a) Nội dung chi: hỗ trợ điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng, xác định khu vực ô nhiễm; xây dựng và tổ chức thực hiện các giải pháp đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường; theo dõi diễn biến chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, những nơi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm theo dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt theo hướng dẫn tại Công văn số 3659/BTNMT-TCMT ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn một số nội dung thành phần Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường và phù hợp với quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Mức hỗ trợ: từ ngân sách trung ương phân bổ là 50%; ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 30%; ngân sách cấp huyện hỗ trợ 20% tổng kinh phí thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/dự án.

13. Chi giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; phát triển các mô hình xóm, ấp sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu

a) Nội dung chi: hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình xóm, ấp sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn (có hệ thống điện chiếu sáng dọc các tuyến đường; đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường; đảm bảo 3 sạch; hàng rào xanh; cảnh quan xanh mát, sạch đẹp; không gian phù hợp với truyền thống văn hoá địa phương). Áp dụng cho các xã thuộc kế hoạch phân đầu đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu giai đoạn 2022 – 2025.

b) Mức hỗ trợ: từ ngân sách trung ương phân bổ là 50%; ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 30%; ngân sách cấp huyện hỗ trợ 20% tổng kinh phí thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/mô hình, dự án.

14. Chi hỗ trợ thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới

a) Nội dung chi: hỗ trợ xây dựng và triển khai thí điểm một số mô hình thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình theo Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Mức hỗ trợ: từ ngân sách trung ương phân bổ là 50%; ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 30%; ngân sách cấp huyện hỗ trợ 20% tổng kinh phí thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ theo thực tế phát sinh dựa vào mô hình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tối đa 100 triệu đồng/mô hình, dự án.

15. Chi hỗ trợ thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh

a) Nội dung chi: hỗ trợ triển khai thí điểm mô hình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02 tháng 08 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Mức hỗ trợ: từ ngân sách trung ương phân bổ là 50%; ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 30%; ngân sách cấp huyện hỗ trợ 20% tổng kinh phí thực hiện theo thực tế phát sinh dựa vào mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tối đa 200 triệu đồng/mô hình, dự án.

16. Chi triển khai Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”

a) Nội dung chi: hỗ trợ tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội, Tổ hội nghề nghiệp theo quy định tại Hướng dẫn số 466-HD/HNDTW ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội nông dân Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung thành phần thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

Mức hỗ trợ: từ ngân sách trung ương phân bổ là 60%; ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 40% tổng kinh phí được phê duyệt; tối đa 30 triệu đồng/mô hình.

b) Nội dung chi: hỗ trợ đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng cho cán bộ, hội viên, nông dân.

Mức hỗ trợ: từ ngân sách trung ương phân bổ là 60%; ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 40% tổng kinh phí được phê duyệt. Định mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bến Tre; tối đa 30 triệu đồng/mô hình, dự án.

c) Nội dung chi: hỗ trợ tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động thực hiện phong trào; nâng cao nhận thức cho cán bộ, hội viên, nông dân về mục đích, ý nghĩa, lợi ích trong việc tham gia xây dựng Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”; chi tổ chức các hoạt động tư vấn, tổ chức dịch vụ hỗ trợ cho nông dân nhằm phát triển toàn diện phong trào ở các địa bàn.

Mức hỗ trợ: từ ngân sách trung ương phân bổ là 60%; ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 40% tổng kinh phí được phê duyệt. Định mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bến Tre; tối đa 30 triệu đồng/mô hình, dự án.

17. Chi vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”, “gia đình 5 có, 3 sạch”

a) Nội dung chi:

- Chi cho công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, kiến thức, trách nhiệm, vai trò của phụ nữ và cộng đồng về vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp của gia đình Việt Nam và xây dựng nông thôn mới, các tiêu chí của cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”.

- Chi tổ chức tập huấn, hội nghị, hội thảo, hội thi, sơ kết, tổng kết, khen thưởng, biểu dương các điển hình thực hiện vun đắp giá trị tốt đẹp gia đình và cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”.

- Chi xây dựng, in ấn tài liệu về giáo dục gia đình, vun đắp giá trị gia đình gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Chi hỗ trợ xây dựng các mô hình điểm và nhân rộng các mô hình sẵn có nhằm vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”.

b) Mức hỗ trợ: từ ngân sách trung ương phân bổ là 60%; ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 40% tổng kinh phí được phê duyệt. Định mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bến Tre; tối đa 30 triệu đồng/mô hình, dự án.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí sự nghiệp do Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025.

2. Nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách địa phương đối ứng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022 – 2025.

3. Nguồn kinh phí của các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh và nguồn đóng góp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu đề áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại các văn bản mới.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Bến Tre;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ngành: TC, KH&ĐT, NN&PTNN, KBNN tỉnh;
- Văn phòng: ĐDBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đồng Khởi, Đài PT-TH tỉnh;
- Trang TTĐT ĐBND tỉnh Bến Tre, Trung tâm TTĐT;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Hồ Thị Hoàng Yến